Tổng quan

Thứ năm, ngày 6 tháng 7 năm 2023

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/7/2023		●	
Tuần 3/7-7/7/2023		●	
Tháng 07/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường trải qua một phiên điều chỉnh hôm nay. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,126.22 điểm, giảm hơn 8 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 13/18 ngành giảm điểm, trong đó Du lịch và Giải trí dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, ngành Hóa chất, Bảo hiểm lại có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, thị trường có thể lùi xuống giằng co trong vùng 1,120-1,130.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/7/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

• VN-Index -8.4 điểm, đóng cửa 1126.22 điểm. HNX-Index -2.76 điểm, đóng cửa 225.08 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: SSB (+0.66), GVR (+0.6), GAS (+0.43), VNM (+0.37), KBC (+0.11).
• Kéo chỉ số giảm: VHM (-1.74), VCB (-1.54), VPB (-0.68), VIC (-0.57), HVN (-0.53).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 17,292 tỷ đồng, tăng 13.26% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,605 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 13.46 điểm. Thị trường có 94 mã tăng, 46 mã tham chiếu, 339 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -314.41 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm STB (-122.86 tỷ), VCB (-77.94 tỷ), VNM (-68.92 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -13.99 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

• BSC30 -0.76%. Các mã diễn biến tích cực: GVR (+2.99%), KBC (+1.86%), DGC (+1.35%).
• BSC50 -0.80%. Các mã diễn biến tích cực: PTB (+7.00%), DBC (+3.23%), KSB (+2.48%).

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)

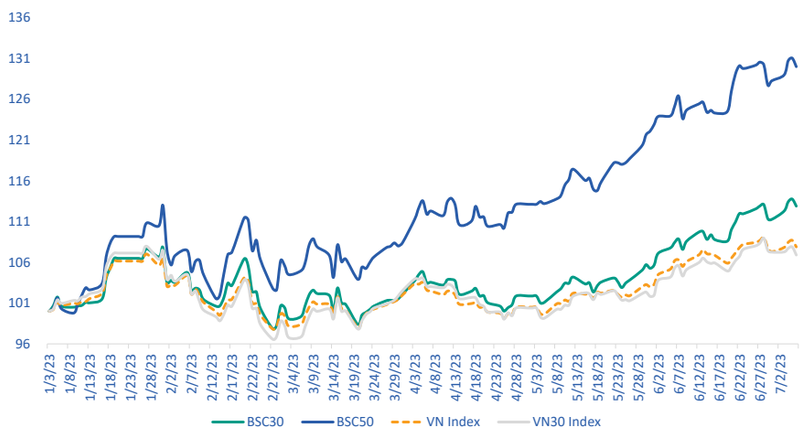

Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại: Link

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1126.22**
Giá trị: 17291.95 tỷ -8.4 (-0.74%)
Khối ngoại (ròng): -314.41 tỷ

HNX-INDEX **225.08**
Giá trị: 1373.83 tỷ -2.76 (-1.21%)
Khối ngoại (ròng): -13.99 tỷ

UPCOM-INDEX **85.09**
Giá trị: 667.81 tỷ -0.32 (-0.37%)
Khối ngoại (ròng): -236.08 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	71.8	2.90%
Giá vàng	1,915	-0.52%
Tỷ giá USD/VND	23,828	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,769	0.12%
Tỷ giá JPY/VND	16,496	0.44%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	0.25%
LS TPCP 5 năm	2.2%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	54.31	STB	-122.86
KBC	23.80	VCB	-77.94
PTB	22.02	VNM	-68.92
CTG	20.41	NLG	-36.53
SSI	20.39	HDB	-35.78

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 6/7

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	71.79	2.90%	3.39%	0.09%	-24.28%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	76.65	0.50%	3.36%	0.84%	-20.97%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.52	0.38%	1.01%	1.40%	-18.38%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.66	-3.19%	-0.34%	11.67%	-51.50%		
TTF Gas	EUR/MWh	34.37	-2.93%	0.73%	38.27%	-79.90%		
Vàng	Ounce	1915.02	-0.52%	0.40%	-2.44%	10.17%		PNJ
Bạc	Ounce	23.13	0.77%	1.79%	-1.93%	20.57%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1547.25	-0.94%	6.63%	14.34%	15.38%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	14.02	-0.92%	-2.30%	-8.01%	-37.38%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	131.60	0.53%	0.92%	-0.38%	-17.85%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	LB	23.53	0.90%	4.25%	-4.27%	30.79%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	LB	162.25	-1.79%	-2.05%	-11.14%	-27.08%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	311.40	2.94%	3.63%	4.50%	-56.75%		DPM, DCM
Niken	LB	20334.00	-0.35%	-1.20%	-2.10%	-9.95%		PC1
Đồng	LB	3.75	2.52%	0.75%	-0.48%	9.92%	CAV. SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3733.00	-0.35%	0.32%	1.61%	-11.54%		HPG
Nhôm	Ton	2140.00	-1.27%	-1.54%	-3.17%	-11.18%	CAV, SAM	
Quặng sắt	Ton	112.50	0.90%	-2.60%	3.69%	-1.75%	HPG	
Than đá	Ton	142.50	-1.72%	11.42%	3.45%	-64.16%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Trung cấp Tây Texas của Mỹ (WTI) tăng 2 USD so với mức đóng cửa hôm thứ Hai, tương đương 2.9%, lên mức 71.79 USD một thùng (phiên thứ Ba thị trường Mỹ nghỉ lễ). Dầu thô Brent tăng 40 cent, tương đương 0.5%, lên 76.65 USD/thùng.

• Giá dầu thô của Mỹ tăng khoảng 3% vào thứ Tư, thu hẹp khoảng cách giá với dầu Brent chuẩn toàn cầu, một phản ứng sau kỳ nghỉ lễ đối với việc Saudi Arabia và Nga hôm thứ hai công bố cắt giảm nguồn cung.

Giá vàng

• Giá vàng giao ngay giảm 0.5% xuống 1,916.49 USD/ounce; vàng Mỹ kỳ hạn tháng 8 giảm 0.1% xuống 1,927.10 USD.

• Giá vàng giảm vào thứ Tư do đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ cùng tăng sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ công bố biên bản họp chính sách tháng 6, củng cố kỳ vọng rằng lãi suất sẽ duy trì ở mức cao hơn trong thời gian dài hơn.

Giá quặng sắt

• Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 9 đã kết thúc phiên với mức tăng 0.7% lên 828 nhân dân tệ (114.39 USD)/tấn. Trên Sàn giao dịch Singapore, hợp đồng quặng kỳ hạn tháng 8 tăng 0.7% lên 109.60 USD/tấn, đảo ngược mức giảm trước đó.

• Giá quặng sắt tăng trong ngày thứ Tư mặc dù thành phố Đường Sơn của Trung Quốc ra lệnh cắt giảm sản lượng thép trong tháng 7 trong bối cảnh chất lượng không khí xấu đi, khiến các thương nhân lo ngại về triển vọng nhu cầu nguyên liệu thép.

Giá hàng hóa khác

• Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 giảm 1.6 cent, tương đương 1%, xuống 1.589 USD/lb.

• Trên Sàn Thương mại Chicago, giá lúa mì đỏ mềm vụ đông kỳ hạn tháng 9 đã tăng 32-1/2 cent lên 6.74-1/4 USD/bushel. Lúa mì đỏ cứng vụ đông giao tháng 9 tăng 49-3/4 cent lên 8.46-1/4 USD/bushel.

	6/7	% 6/7	5/7	% 5/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1126.22	-0.74%	1134.62	5.45%	0.07%	1.62%
S&P 500			4446.82	-0.20%	1.56%	5.35%
HĐTL S&P500	4464.75	-0.42%	4483.75	7.74%	1.07%	3.09%
Shang-hai	3205.58	-0.54%	3222.95	-1.28%	0.73%	-0.76%
Euro Stoxx	4296.43		4350.71	2.58%	-1.34%	0.03%

** Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam*

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/23/2023	REE	61.45	70	58	65.1	44	5.94%	Có thể tiếp tục mua
5/12/2023	CTD	64.6	72	61	69.5	55	7.59%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/27/2023	VGT	11.6	13.5	10.65	13.1	70	12.93%	Cân nhắc không mua thêm (**)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	TP	57	12.67%
3/8/2023	FRT	72.4	85	70	SL	9	-3.31%
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	TP	88	16.28%
3/7/2023	HPG	21.1	25	19.8	TP	107	18.48%
12/19/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nh					TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	0	8.82%	0.00%	8.82%	56
Cổ phiếu đã chốt	254	232	6.95%	-7.45%	4.04%	23

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

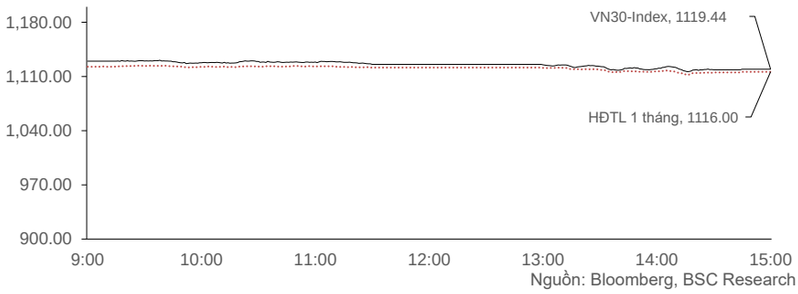

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
VNM	70.50	1.00	0.60
HPG	27.00	0.19	0.17
TPB	18.20	0.55	0.14
MSN	76.00	0.26	0.13
SSI	26.30	0.38	0.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1102.20	-0.43%	-17.24	25.0%	55	12/21/2023	168
VN30F2307	1116.00	-0.71%	-3.44	21.2%	163,443	7/20/2023	14
VN30F2308	1113.00	-0.73%	-6.44	-2.0%	776	8/17/2023	42
VN30F2309	1110.10	-0.75%	-9.34	371.4%	66	9/21/2023	77

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
VPB	19.6	-2.01	-1.94
VHM	54.5	-2.85	-1.80
STB	29.1	-2.68	-1.56
TCB	31.6	-1.25	-0.94
ACB	21.7	-1.14	-0.85

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 giảm -10.32 điểm xuống 1119.44 điểm, biên độ dao động 15.63 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VHM, STB, TCB, và ACB đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
• VN30 giằng co trong phiên sáng và giảm trong phiên chiều. Chỉ số kết phiên giảm -0.91% so với phiên trước. Thanh khoản thị trường vượt ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
• Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các hợp đồng đều tăng ngoại trừ VN30F2308. Xét về vị thế mở, VN30F2312 giảm, tất cả các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2302	9/27/2023	83	2:1	97,700	45.71%	1,000	4,020	6.91%	3,694	1.09	25,040	20,000	27,000
CFPT2303	11/9/2023	126	10:1	1,560,500	21.54%	2,240	630	6.78%	85	7.45	94,500	86,000	74,600
CHPG2306	11/9/2023	126	3:1	474,700	45.71%	1,970	2,460	0.82%	2,562	0.96	23,300	20,000	27,000
CFPT2213	9/5/2023	61	10:1	279,500	21.54%	2,350	1,480	0.68%	291	5.08	94,700	74,500	74,600
CHPG2305	8/7/2023	32	2:1	121,600	45.71%	2,400	1,900	0.00%	2,046	0.93	24,500	23,200	27,000
CSTB2224	9/5/2023	61	2:1	217,000	44.75%	1,640	5,040	-0.98%	4,639	1.09	103,200	20,000	29,100
CSTB2225	11/1/2023	118	2:1	189,700	44.75%	2,600	5,080	-1.74%	4,560	1.11	108,400	20,500	29,100
CMBB2214	9/5/2023	61	2:1	180,800	34.85%	2,700	2,160	-1.82%	1,726	1.25	26,140	17,000	20,200
CHPG2304	8/16/2023	41	2:1	105,100	45.71%	2,300	2,260	-2.16%	2,196	1.03	23,360	23,000	27,000
CHPG2304	8/16/2023	41	2:1	105,100	45.71%	2,300	2,260	-2.16%	2,196	1.029	23,360	23,000	27,000
CSTB2303	11/9/2023	126	2:1	747,700	44.75%	1,100	4,400	-2.22%	3,943	1.12	50,700	22,000	29,100
CHPG2303	7/17/2023	11	1:1	156,900	45.71%	1,550	3,280	-3.53%	3,160	1.04	21,290	23,900	27,000
CHPG2227	11/1/2023	118	2:1	217,200	45.71%	1,100	3,740	-4.10%	3,606	1.04	19,589	20,500	27,000
CACB2208	9/5/2023	61	4:1	482,300	30.38%	1,100	1,310	-5.76%	310	4.23	25,900	21,500	21,700
CMBB2215	11/1/2023	118	2:1	233,900	34.85%	1,700	2,090	-5.86%	1,523	1.37	25,600	18,000	20,200
CFPT2210	8/31/2023	56	10:1	1,837,200	21.54%	1,300	320	-5.88%	4	79.86	29,260	90,000	74,600
CVPB2214	9/5/2023	61	4:1	274,700	35.90%	1,650	960	-5.88%	722	1.33	42,040	17,000	19,550
CTCB2215	9/5/2023	61	4:1	376,100	41.30%	1,350	1,510	-7.36%	1,396	1.08	53,060	26,500	31,550
CTCB2216	11/1/2023	118	4:1	492,900	41.30%	1,200	1,600	-9.09%	1,383	1.16	80,159	27,500	31,550
CVHM2219	9/5/2023	61	5:1	329,400	38.16%	1,100	850	-15.84%	571	1.49	24,672	56,000	54,500
			Tổng	**8,480,000**	**38.78%****								

Chú thích: ***Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất***
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
****Trung bình độ lệch chuẩn***
CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
**Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes*

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 6/7/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
• CSTB2306 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 11.56%. Giá trị giao dịch tăng 9.07%. CSTB2306 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.56%.
• CMWG2302, CHPG2305, CHPG2306, và CHPG2226 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2302, CSTB2224, CHPG2306, và CSTB2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CHPG2301, và CHPG2226 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SSB	28.60	4.76	0.66	615700
GVR	20.70	2.99	0.60	4.82MLN
GAS	95.20	0.95	0.43	1.37MLN
VNM	70.50	1.00	0.37	7.63MLN
KBC	30.05	1.86	0.11	10.16MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTP	33.60	5.00	0.13	39500.00
MBS	19.70	1.55	0.05	4.96MLN
SCG	65.00	0.62	0.04	87100
SHN	7.80	2.63	0.04	2400.00
DTD	30.60	2.34	0.03	641900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	54.50	-2.85	-2	1.41MLN
VCB	100.70	-1.27	-2	1.02MLN
VPB	19.55	-2.01	-1	16.27MLN
VIC	50.40	-1.18	-1	2.60MLN
HVN	13.30	-6.67	-1	8.63MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	14.20	-3.40	-0.41	165800
PVS	33.10	-2.36	-0.31	10.33MLN
HUT	19.10	-2.55	-0.27	4.28MLN
CEO	23.10	-2.94	-0.22	5.90MLN
IPA	14.00	-9.68	-0.21	2.12MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTB	52.00	7.00	0.06	2.42MLN
GIL	29.55	6.87	0.03	2.51MLN
STK	29.50	4.98	0.03	98900
SSB	28.60	4.76	0.66	615700
ABR	12.90	4.45	0.00	200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THS	20.50	9.6	0.00	500
SIC	32.50	9.4	0.01	4700
SMN	13.90	8.6	0.00	100
SDG	17.90	8.5	0.00	100
VE1	4.10	7.9	0.00	1100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	54.50	-2.85	-1.74	1.41MLN
VCB	100.70	-1.27	-1.54	1.02MLN
VPB	19.55	-2.01	-0.68	16.27MLN
VIC	50.40	-1.18	-0.57	2.60MLN
HVN	13.30	-6.67	-0.53	8.63MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SDU	23.50	-9.96	-0.01	500
GLT	20.20	-9.82	-0.01	600
VNT	48.70	-9.81	-0.02	700
CKV	13.00	-9.72	0.00	100
IPA	14.00	-9.68	-0.21	2.12MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

HSX-Index Intraday

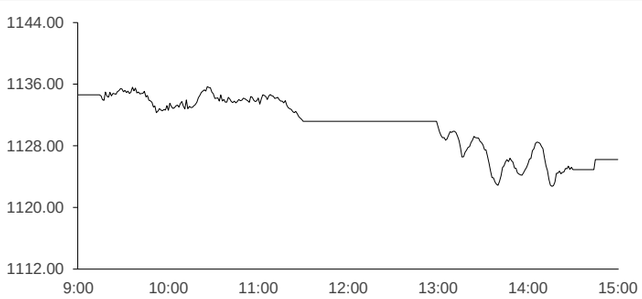

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday

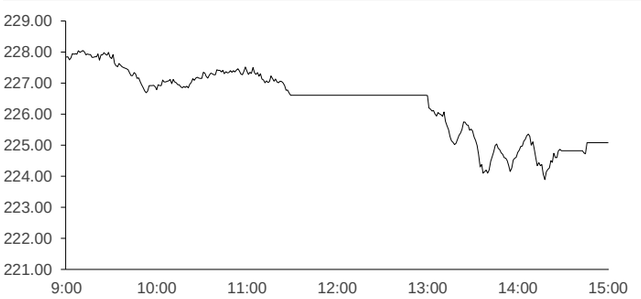

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành

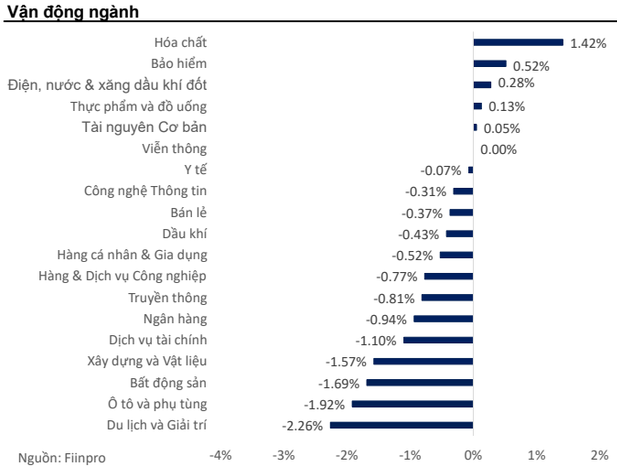

Nguồn: Fiinpro

Hình 4

Giao dịch khối ngoại

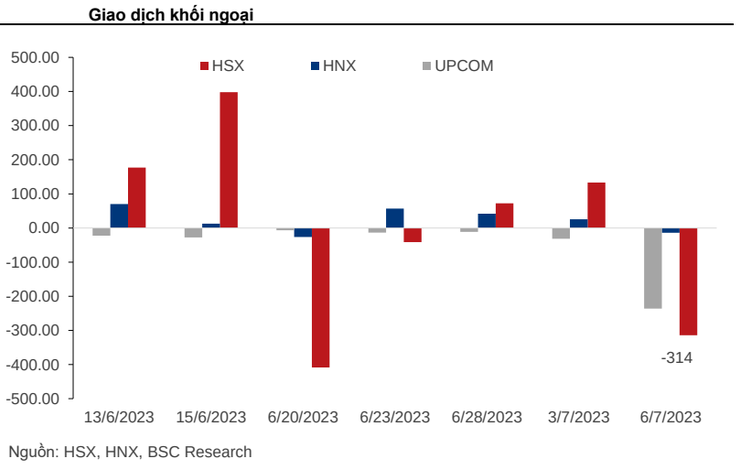

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	100.7	-1.3%	0.9	20,720	4.5	7,311	13.8	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	44.0	-0.9%	1.0	9,666	2.6	4,208	10.4	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	-2.0%	1.2	5,706	14.0	3,972	4.9	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	31.6	-1.3%	1.5	4,825	8.7	14,982	2.1		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	20.2	-1.0%	1.4	3,982	13.4	14,982	1.3	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	29.1	-2.7%	1.3	2,385	33.7	4,640	6.3	31,200	30.0%	Link
GVR	BĐS KCN	20.7	3.0%	1.1	3,600	4.3	4,603	4.5	19,100	23.2%	Link
KBC	BĐS KCN	30.1	1.9%	1.6	1,003	13.2	4,880	6.2	29,800	29.2%	Link
IDC	BĐS KCN	42.4	-0.9%	1.7	608	5.1			52,400	42.8%	Link
VGC	BĐS KCN	44.0	-0.9%	1.7	858	3.8	1,217	36.2		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.0	0.2%	1.0	6,826	32.1	1,916	14.1	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	54.5	-2.9%	0.9	10,318	3.4	1,896	28.7	68,300	10.6%	Link
VRE	BĐS	27.0	-2.0%	1.1	2,663	6.7	5,227	5.2	36,200	23.9%	Link
KDH	BĐS	30.2	-1.8%	0.4	941	1.6	1,576	19.2	37,700	32.5%	Link
NLG	BĐS	32.5	-3.4%	1.6	543	4.0	2,557	12.7	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	67.5	1.4%	1.5	1,115	13.8	14,120	4.8	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	35.1	-1.5%	1.3	596	4.7	6,793	5.2	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	27.2	-1.3%	0.8	625	5.7	2,625	10.3	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	95.2	1.0%	0.7	7,922	5.7	2,292	41.5	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	40.3	0.0%	1.1	2,226	4.2	1,340	30.1	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	33.1	-2.4%	1.1	688	15.0	993	33.3	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.0	-2.0%	1.4	604	7.2	7,698	3.2	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.3	-1.9%	1.1	1,349	3.9	3,895	3.4	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	70.5	1.0%	1.2	6,406	23.3	2,605	27.1	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	76.0	0.3%	1.2	4,704	3.2	3,456	22.0	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	43.2	-0.3%	1.4	2,748	8.5	7,475	5.8	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	72.6	-1.5%	0.8	1,035	3.7	2,965	24.5	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	71.5	0.3%	1.2	570	2.3	12,800	5.6	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	53.5	-0.6%	0.6	701	2.4	7,059	7.6	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	74.6	-0.3%	0.8	3,582	4.9	5,901	12.6	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.76%	-0.80%	-0.74%	-0.91%
1 tuần	1.39%	1.77%	0.07%	-0.52%
1 tháng	3.69%	2.84%	1.50%	1.24%
3 tháng	9.11%	16.16%	5.16%	3.76%

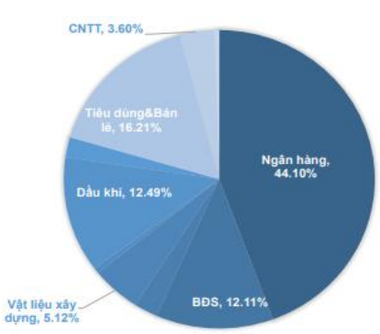

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường

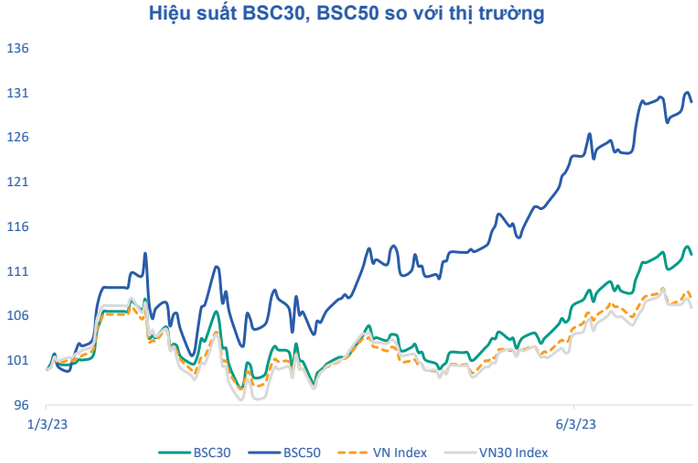

Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.4	-0.7%	1.2	6,133	8.0	3,520	8.3	1.3	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	21.7	-1.1%	1.1	3,665	6.1	3,742	5.8	1.3	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	18.2	-1.4%	0.9	1,990	3.2	3,149	5.8	1.2	19.7%	22.6%
LPB	Ngân hàng	15.5	-0.3%	1.5	1,165	4.3	2,732	5.7	1.1	4.1%	19.9%
VIB	Ngân hàng	19.6	-1.5%	1.4	2,155	3.5	3,469	5.6	1.5	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	18.1	-6.5%	2.0	956	84.8	489	36.9	1.5	23.6%	4.8%
TPB	Ngân hàng	18.2	0.6%	1.1	1,742	3.5	2,895	6.3	1.2	29.2%	20.9%
SSI	chứng khoán	26.3	0.4%	1.7	1,714	30.6	1,120	23.5	1.7		7.9%
CII	Xây dựng	17.8	-4.0%	1.9	220	12.3	218	81.8	0.8	8.7%	1.0%
C4G	Xây dựng	13.9	-2.1%	2.1	204	2.2	791	17.6	1.3	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	69.5	-0.3%	1.9	225	1.5	184	377.8	0.6	49.0%	0.2%
HHV	Xây dựng	15.4	0.0%	1.7	220	5.4	903	17.0	0.7	4.4%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.4	-1.1%	2.1	110	3.8	812	16.4	1.0	3.3%	6.1%
BCM	KCN	79.8	-0.4%	1.0	3,591	1.0	1,170	68.2	4.9	2.7%	8.1%
HUT	KCN	19.1	-2.6%	1.5	290	3.6	162	118.0	1.7	1.9%	1.4%
PHR	KCN	49.4	-0.3%	1.4	291	1.5	6,039	8.2	1.9	15.2%	24.1%
SZC	KCN	31.6	2.0%	1.9	165	1.6	1,103	28.6	2.4	3.1%	8.9%
HSG	Vật liệu	16.4	-1.8%	2.1	439	7.6	(1,694)		1.0	17.6%	-9.6%
HT1	Vật liệu	16.7	-1.8%	1.5	277	0.8	386	43.3	1.3	3.5%	2.9%
NKG	Vật liệu	17.5	-1.1%	2.3	200	6.6	(2,586)		0.9	9.8%	-11.8%
PTB	Vật liệu	52.0	7.0%	1.1	154	5.3	6,017	8.6	1.3	14.4%	15.7%
KSB	Vật liệu	31.0	2.5%	1.7	103	4.1	1,393	22.3	1.2	4.0%	5.6%
NVL	BĐS	14.4	-2.0%	0.9	1,221	15.0	362	39.7	0.8	3.5%	1.9%
DXG	BĐS	14.6	-3.6%	2.3	387	10.0	(240)		1.0	18.8%	-1.6%
HDC	BĐS	28.3	-1.0%	1.4	166	0.5	2,526	11.2	2.0	1.8%	20.9%
DIG	BĐS	20.9	-1.9%	2.6	553	16.6	262	79.7	1.9	5.5%	2.1%
IJC	BĐS	14.0	-1.1%	2.1	153	1.1	1,662	8.4	0.9	6.4%	11.2%
BSR	Dầu khí	17.4	-1.1%	1.4	2,346	6.4	4,750	3.7	1.1	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.2	-1.3%	1.2	326	4.5	2,740	8.4	1.2	15.2%	15.4%
PLC	Săm lốp	38.2	-0.5%	1.8	134	0.5	1,355	28.2	2.4	1.3%	8.2%
DRC	Tiện ích	22.0	-0.9%	1.2	114	0.5	2,246	9.8	1.4	9.1%	14.4%
REE	Tiện ích	65.1	-0.8%	0.8	1,157	3.4	6,714	9.7	1.7	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	18.9	-1.0%	2.0	700	18.6	10	1892.7	1.3	11.1%	0.1%
NT2	Tiện ích	30.0	-0.7%	0.8	375	0.9	3,245	9.2	1.9	15.6%	20.9%
HDG	Tiện ích	30.4	-1.6%	1.6	404	2.2	3,775	8.1	1.7	24.6%	22.6%
PC1	Tiện ích	26.3	-2.1%	1.4	309	1.6	1,257	20.9	1.4	6.9%	6.8%
GEG	Tiện ích	15.1	-0.9%	1.1	224	0.8	902	16.7	1.7	46.7%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.3	-2.7%	2.2	217	2.3	220	42.4	0.7	1.7%	1.5%
SAB	Bán lẻ	153.4	-0.3%	0.2	4,277	0.6	7,649	20.1	4.1	62.3%	22.1%
QNS	Bán lẻ	49.2	-1.2%	0.5	764	1.8	4,226	11.6	2.0	17.6%	17.5%
FRT	Bán lẻ	74.5	-0.7%	1.5	441	5.0	1,620	46.0	5.1	33.0%	11.5%
DGW	Bán lẻ	43.0	-0.6%	1.9	312	4.3	3,397	12.7	2.8	23.5%	24.7%
DBC	Bán lẻ	24.0	3.2%	2.0	253	11.1	(1,339)		1.3	6.8%	-7.2%
PET	Bán lẻ	28.0	0.4%	2.3	120	0.7	1,026	27.3			4.3%
BAF	Bán lẻ	23.8	-1.2%		149	3.5	1,409	16.9	1.8	0.2%	11.8%
ANV	Thủy sản	36.9	-0.4%	1.6	214	4.1	4,368	8.4	1.6	4.3%	20.1%
VSC	Logistics	37.3	-2.4%	0.5	197	2.7	2,087	17.9	1.7	3.1%	9.4%
HAH	Logistics	47.3	1.1%	1.2	145	4.8	9,072	5.2	1.4	4.8%	34.4%
CTR	Công nghệ	72.0	-1.1%	1.4	358	0.4	4,040	17.8	4.7	10.7%	29.3%
TNG	Dệt may	19.7	1.0%	1.7	97	1.8	2,665	7.4	1.4	19.0%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639